TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 152/2018/HNGĐ-ST Ngày: 21/9/2018 V/v xin ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm pH - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Chơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phùng Quốc Quân

Bà Hoàng Thị Ạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 ngày 5 ngày 2018 về xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Xóm A, Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Xóm A, Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 5 năn 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Cao Thị N trình bày như sau:

Chị và anh Hà Văn H kết hôn với nhau từ năm 2009 do cả hai cùng tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La vào ngày 20/11/2009 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian khoảng 02 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không quan tâm đến công việc, không chăm lo cho vợ con, thỉnh thoảng bỏ nhà đi rồi lại quay về làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Chị đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn nhưng khi chị N làm đơn thì anh H lại bỏ đi, một thời gian sau lại về cố gắng làm lành với chị nhưng lại không thay đổi. Năm 2014, mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng nên chị N đã làm đơn xin ly hôn và anh H cũng đồng ý. Tuy nhiên, anh H gây khó khăn nên chị chưa hoàn thiện được thủ tục ly hôn theo quy định. Nay chị xác định mâu thuẫn tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Hà Tuấn H2, sinh ngày 30/5/2010. Những lúc anh H bỏ đi, cháu H2 do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Vì vậy, khi ly hôn chị N đề nghị tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị không có tài sản gì chung.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến niêm yết thông báo thụ lý và giấy triệu tập nhưng anh H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ vào đơn đề nghị của nguyên đơn chị Cao Thị N, Tòa án nhân dân huyện M đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo thủ tục tố tụng dân sự. Cụ thể: xác minh tại chính quyền địa phương (Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La), xác minh với xóm trưởng xóm A, Tiểu khu B (nơi chị N và anh H cư trú) về tình trạng hôn nhân của vợ chồng, về các vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung. Qua xác minh được biết: Chị N và anh H kết hôn với nhau từ năm 2009 do cả hai cùng tự nguyện và có đăng kết hôn tại UBND thị trấn H. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống ở nhà riêng của chị N tại Tiểu khu 1, thị trấn H và đăng ký hộ khẩu thường trú tại đây. Sau khi kết hôn, chị N và anh H chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chăm lo đến cuộc sống gia đình, thỉnh thoảng bỏ nhà đi, khi về thì phá phách dẫn đến vợ chồng cãi cọ nhau thường xuyên. Năm 2014, chị N có làm đơn xin ly hôn và đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành, cả hai anh chị đều thống nhất ly hôn. Sau đó, anh H bỏ nhà đi, thỉnh thoảng về đập phá. Anh H thỉnh thoảng có gọi điện về nhưng không nói rõ ở đâu.

Về con chung, chị N và anh H có 01 con chung, chủ yếu do chị N chăm sóc.

Về tài sản chung: Sau khi kết hôn, anh H về ở nhà và đất của chị N đã có từ trước, trong thời gian hôn nhân, chị N và anh H chưa tạo dựng được tài sản gì có giá trị.

Về nợ chung: Không được biết.

Qua xác minh tại Công an thị trấn H, được biết: Anh Hà Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La và hiện tại chưa cắt khẩu đi nơi khác. Từ ngày 07/2/2018 đến ngày 07/5/2017, anh H có đăng ký tạm vắng. Vì vậy, đến thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đã hết thời hạn tạm vắng theo quy định và anh H phải có mặt tại địa phương theo quy định.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện M nhiều lần triệu tập anh H đến Tòa án để giải quyết, nhưng anh H không đến tòa, và cũng không thông báo địa chỉ cho chị N biết nhằm mục đích giấu địa chỉ, trốn tránh gây khó khăn cho việc yêu cầu xin ly hôn của chị N. Tòa án nhân dân huyện M đã tiến hành niêm yết công khai tại nơi cư trú, và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh H vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 147; Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị N và anh Hà Văn H. Về con chung: Giao con chung là cháu Hà Tuấn H2, sinh ngày 30/5/2010 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi

con chung cùng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Về án phí: Chị N phải chịu án phí đân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị N đã cung cấp đúng và đầy đủ địa chỉ của bị đơn anh Hà Văn H trong đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo. Qua xác minh xác định anh H đã hết thời hạn tạm vắng và chưa làm thủ tục cắt khẩu đến nơi khác nên phải có mặt tại địa phương theo quy định. Tuy nhiên anh H thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ cho chị N biết. Mặc dù anh H có liên lạc với chị N và hàng xóm nhưng không cho biết địa chỉ chính xác ở đâu. Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu cho anh H, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (cụ thể: Đăng tin trên 03 số liên tiếp trên Báo Công lý và trên Đài tiếng nói Việt Nam) nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 189, Điều 195 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm pH Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân huyện M tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện M đã triệu tập hợp lệ đối với anh Hà Văn H trong việc tham gia phiên tòa, anh H vắng mặt lần hai nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm theo quy định chung.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Cao Thị N và anh Hà Văn H tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2009, anh chị đã được UBND thị trấn H, M, Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/11/2009. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh H không quan tâm tới gia đình vợ con, thỉnh thoảng bỏ đi, về nhà đập phá, không chịu khó làm ăn. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến năm 2014, chị N đã làm đơn xin ly hôn và đã được Tiểu khu hòa giải cho hai vợ chồng. Tại buổi hòa giải ngày 28/6/2014, anh H nhất trí ly hôn. Tuy nhiên, sau phiên hòa giải, anh H thường xuyên bỏ nhà đi và không báo lại địa chỉ cho chị N biết, vì vậy, chị N chưa hoàn thiện được thủ tục ly hôn theo quy định.

Khi anh H trở về địa phương, chị N đề cập đến việc hoàn thiện thủ tục ly hôn thì anh H tiếp tục bỏ đi nhằm gây khó khăn cho chị N trong việc giải quyết ly hôn. Đến nay, chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng được ly hôn. Quá trình điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đại diện chính quyền địa phương và làng xóm - những người biết sự việc đã xác định: Anh H không chăm lo cho cuộc sống của mẹ con chị N, mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra từ lâu, anh H thường xuyên bỏ nhà đi không báo lại địa chỉ mới, khi về thì đập phá nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị N đã nhiều lần có đơn xin ly hôn và đã được tiểu khu hòa giải nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, do đó đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Hán.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử cho chị Cao Thị N được ly hôn với anh Hà Văn H.

[2.2] Về con chung: Quá trình hôn nhân chị N và anh H có 01 con chung là cháu Hà Tuấn H2, sinh ngày 30/5/2010. Khi anh H bỏ đi thì cháu H2 do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, để bảo đảm quyền lợi của con chung chưa thành niên, cần thiết giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

[2.3] Về tài sản chung: Căn cứ vào toàn bộ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và qua điều tra xác minh tại nơi cư trú của hai vợ chồng, xác định: Sau khi chị N và anh H kết hôn với nhau năm 2009, hai vợ chồng sống chung với nhau tại căn nhà là tài sản riêng của chị N. Tại Biên bản hòa giải ngày 28/6/2014, anh Hà Văn H xác định không có yêu cầu gì về tài sản. Vì vậy, xác định chị N và anh H không có tài sản chung.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[2.5] Về án phí: Chị Cao Thị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 147; Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cao Thị N và anh Hà Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Tuấn H2, sinh ngày 30/5/2010 cho chị Cao Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Hưng thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Hà Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N do chị N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh H được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/04792 ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PH – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lò Thị Chơ